

VT

1324

TỈNH ỦY - ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI



PHẠM VĂN ĐỒNG

Với

Đăn hóa Dân tộc



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHẠM VĂN ĐỒNG
Với
Văn hóa Dân tộc

Với

Văn hóa Dân tộc

Mã số: $\frac{3KV1 (092)}{CTQG - 2016}$

306. 095 94
PH 104 V.

TỈNH ỦY - ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

PHẠM VĂN ĐỒNG

Với

Đăn hóa Dân tộc

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC

VT / 1324.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2016

BAN BIÊN SOẠN

**LÊ HỮU NGHĨA
PHẠM ĐỨC LƯỢNG
LÊ QUANG THÍCH
NGUYỄN ĐĂNG VŨ
NGUYỄN THỊ KIM DUNG
NGÔ PHƯƠNG BÁ**



Đồng chí **PHẠM VĂN ĐỒNG**
(1906 - 2000)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Là học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Phạm Văn Đồng không chỉ là nhà hoạt động chính trị lỗi lạc, nhà ngoại giao kiệt xuất, nhà văn hóa lớn, nhà giáo dục đầy tâm huyết, mà ông còn là một học giả, luôn mang tâm hồn dân tộc, yêu quý và am hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc, sống và hành động trên tầm cao của văn hóa dân tộc Việt Nam.

Bằng sự hiểu biết sâu sắc và toàn diện về văn hóa và thực tiễn, lịch sử của dân tộc với tầm cao văn hóa và thế giới quan cách mạng của người cộng sản, đồng chí Phạm Văn Đồng đã nâng tư duy về văn hóa lên tầm lý luận mang tính triết lý, khái quát cao, đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa của nước nhà.

Trên lĩnh vực văn hóa, đồng chí Phạm Văn Đồng vừa là nhà lý luận vừa là nhà thực tiễn, có tầm nhìn chiến lược, luôn luôn sử dụng tri thức văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại trong hoạt động cách mạng. Đồng chí đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nhấn mạnh đạo đức và nhân cách sống làm người. Bằng kiến thức sâu rộng và tâm huyết của mình, đồng chí đã dành nhiều thời gian nghiên cứu, viết các tác phẩm mẫu mực về Chủ tịch Hồ Chí Minh, các danh nhân văn hóa dân tộc như Vua Hùng, Hai Bà Trưng, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu,...

Phạm Văn Đồng quan tâm thường xuyên đến vấn đề giữ gìn và phát huy cái hay, cái đẹp và sự trong sáng của tiếng Việt. Theo đồng chí, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt phải được coi là việc làm đúng đạo lý, là biểu hiện của hành động cách mạng trên mặt trận văn hóa.

Có thể nói, những quan điểm của đồng chí Phạm Văn Đồng về văn hóa có vai trò hết sức quan trọng trong đường lối, chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước ta. Những tác phẩm về văn hóa, văn nghệ của đồng chí là những định hướng cho những người làm văn hóa, văn nghệ.

Là nhà lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, đồng chí luôn thể hiện sự đồng cảm, quan tâm sâu sắc tới giới trí thức và văn nghệ sĩ, thường xuyên động viên, cổ vũ, khen ngợi, khuyến khích văn nghệ sĩ.

Nhằm giúp cho người đọc có thêm các tư liệu quý về công lao to lớn của Phạm Văn Đồng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung và đối với văn hóa dân tộc nói riêng, trên cơ sở Hội thảo khoa học “Phạm Văn Đồng với văn hóa dân tộc” do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc Việt Nam tổ chức ngày 23-5-2014; Hội thảo khoa học “Đồng chí Phạm Văn Đồng - Nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam” do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, ngày 26-2-2016, nhân dịp kỷ niệm 110 năm ngày sinh Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1-3-1906 – 1-3-2016), Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cùng Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tổ chức tuyển chọn, biên soạn và xuất bản cuốn sách ***Phạm Văn Đồng với văn hóa dân tộc***.

Nội dung cuốn sách còn góp phần giúp chúng ta hiểu thêm quan điểm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa...

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc

Tháng 3 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

PHẦN THỨ NHẤT
PHẠM VĂN ĐỒNG
NHÀ VĂN HÓA LỚN

PHẠM VĂN ĐỒNG

TRẦN VIỆT PHƯƠNG*

Phạm Văn Đồng đã sống 94 năm, từ đầu đến kết thúc thế kỷ XX (1906-2000), 75 năm, từ năm 1925 đến năm 2000 là thời gian hoạt động yêu nước, cách mạng trong đó có 32 năm, từ năm 1955 đến năm 1987 là Thủ tướng Chính phủ Việt Nam.

Từ khi tham gia hoạt động cách mạng đến cuối đời, khi đã ngoài 90 tuổi, Phạm Văn Đồng nhiều lần đi đến tất cả hoặc hầu hết các miền, các tỉnh của nước ta, từ cực Bắc đến cực Nam, sống cùng đồng bào, tìm hiểu, học hỏi, chia sẻ vui buồn với dân, làm việc vì người dân, vì dân tộc Việt Nam. Vậy mà con người ấy, khi được bạn hữu khen là người lãnh đạo hiểu thấu lòng dân, kính trọng và thương yêu dân, đã chân thành tự bạch: Xin đừng nói thế. Vì như thế không đúng. Bao nhiêu năm rồi, hằng ngày tôi ăn, ở, sinh sống và làm việc trong những điều kiện thuận lợi và đầy đủ khác hẳn dân, tôi hiểu thấu lòng dân làm sao được, tôi chỉ cố gắng suốt đời tin tưởng dân, làm người học trò của dân để làm tròn nhiệm vụ của mình.

Trong công việc của Thủ tướng Chính phủ, một thành viên cơ quan lãnh đạo cao nhất nước ta, về mọi vấn đề,

* Chuyên gia cao cấp, nguyên Trợ lý Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Phạm Văn Đồng thường nghĩ sớm, tính xa, nhìn trước, điều tra, nghiên cứu chu đáo, lắng nghe dân, tiếp thu truyền thống và bản sắc Việt Nam, vận dụng kinh nghiệm và kiến thức của thời đại, của loài người, chắt lọc trên tinh thần sáng tạo những gì cần và tốt cho dân tộc Việt Nam.

Một nét nổi bật trong phong cách Phạm Văn Đồng là chiêu hiền đãi sĩ, quý trọng và học tập người tài. Về từng vấn đề lớn, Phạm Văn Đồng bao giờ cũng mời những chuyên gia hàng đầu của nước ta trong lĩnh vực ấy, tổ chức những cuộc gặp gỡ, cùng nhau bàn luận với sự chuẩn bị trước của mọi người tham dự, thường bằng cách từng người có bài viết trình bày quan điểm và ý kiến riêng của mình. Sau khi mọi người cùng nhau thảo luận và tranh luận, Phạm Văn Đồng nhắc mỗi người hoàn chỉnh rồi công bố ý kiến mà mình là tác giả. Còn về phần mình, Phạm Văn Đồng thu hoạch từ những cuộc bàn luận và xác định ý kiến riêng của mình. Là người trí thức trung thực về trí tuệ, không bao giờ Phạm Văn Đồng lấy ý kiến của người khác làm ý kiến của bản thân. Phạm Văn Đồng là một nhà chính luận, nhà văn, nhà báo mà từng bài viết đều có dấu ấn riêng.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng là người góp phần quan trọng đề ra chủ trương, đường lối sáng tạo của Việt Nam, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

Trong cả hai cuộc kháng chiến, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Phạm Văn Đồng một thành viên cốt cán của Hội đồng Quốc phòng tối cao nước ta. Trải suốt hai cuộc chiến tranh cứu nước, Phạm Văn Đồng hai lần làm Chủ tịch Hội đồng Hậu cần, bảo đảm cho toàn quân, toàn dân ta chiến đấu.

Giữa những năm 60 của thế kỷ XX, Đảng thành lập Ban lý luận của Trung ương Đảng, Trưởng Tiểu ban lý

luận kinh tế là Lê Duẩn, Trưởng Tiểu ban lý luận chính trị là Trường Chinh, Trưởng Tiểu ban lý luận tư tưởng, văn hóa là Phạm Văn Đồng; cả ba tiểu ban hoạt động đều đặn trong nhiều năm.

Thời gian 20 năm, từ năm 1955 đến năm 1975, hằng năm, Phạm Văn Đồng là Trưởng đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta sang gặp những người lãnh đạo chủ chốt của Liên Xô và Trung Quốc, trao đổi ý kiến về tình hình nước ta và tình hình thế giới, tranh thủ sự ủng hộ và viện trợ về nhiều mặt của hai nước lớn, nhưng giữ vững đường lối, chính sách độc lập tự chủ do Đảng ta đề ra, không chịu một sự tác động hoặc ảnh hưởng nào.

Trước và sau Đại hội VI của Đảng năm 1986, khi Đảng ta nghiên cứu, xây dựng Cương lĩnh và chiến lược phát triển dài hạn, Phạm Văn Đồng là Trưởng ban Nghiên cứu Chiến lược của Trung ương Đảng trong mấy năm đầu rồi chuyển cho người kế nhiệm.

Trong hoạt động của Chính phủ, Phạm Văn Đồng tin cậy và mạnh dạn phân công cho các Phó Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo các mặt nội chính, ngoại giao, kinh tế, xã hội, phần riêng mình thì chỉ đạo công việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, theo dõi sự phát triển nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt chuyên trách về văn hóa, khoa học và giáo dục, đào tạo.

Khi thôi tham gia Bộ Chính trị và thôi nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ, Phạm Văn Đồng là một trong ba vị Cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương trong hai nhiệm kỳ gồm 10 năm.

Trước Đại hội VI, Ban Tổ chức Trung ương đề nghị ba đồng chí là: Trường Chinh, Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng viết hồi ký. Phạm Văn Đồng từ chối và nói: "Tôi xin để tâm trí và

thời gian viết về người Việt Nam đẹp nhất là Hồ Chí Minh”. Và Phạm Văn Đồng đã đọc cho thư ký ghi, rồi nghe lại và chữa nhiều lần để viết liên tục bốn cuốn sách về Hồ Chí Minh, trong điều kiện mắt đã không nhìn rõ nữa.

Hai tác phẩm có tính tổng kết của Phạm Văn Đồng, vừa khép lại, vừa mở ra, ngoài nhiều bức thư góp ý với Trung ương Đảng, là tác phẩm *Văn hóa và đổi mới* và tác phẩm *Về nền giáo dục quốc dân*. Đó là hai tác phẩm giàu ý nghĩa, được lựa chọn bởi một người suốt đời, từ thuở thanh niên, là một nhà văn hóa và một thầy giáo.

Trong hơn nửa thế kỷ, Phạm Văn Đồng luôn luôn quan tâm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Năm 1966, Phạm Văn Đồng viết trên *Tạp chí lý luận* của Đảng: Tiếng Việt của chúng ta rất giàu. Tiếng Việt của chúng ta rất đẹp. Giàu bởi kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân ta lâu đời và phong phú. Đẹp bởi tâm hồn người Việt Nam ta rất đẹp. Hai nguồn của cái giàu, cái đẹp ấy là ở chỗ tiếng Việt là tiếng nói của nhân dân, đầy tình cảm, màu sắc và âm điệu, hồn nhiên, ngộ nghĩnh và đầy ý nghĩa, đồng thời nó là ngôn ngữ của văn học mà những nhà thơ lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... và những nhà văn, nhà thơ ngày nay ở miền Bắc và miền Nam đã nâng lên đến trình độ rất cao về nghệ thuật.

Trong bài báo cuối cùng “Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam” đăng trên báo *Nhân Dân* ngày 19 tháng 5 năm 1999, Phạm Văn Đồng viết: Cần thấy sự thật, nói đúng sự thật, nói hết sự thật với tinh thần và ý chí cách mạng tiến công, nghiêm khắc và sắc bén, làm nổi bật cái gì phải giải quyết và giải quyết như thế nào cho có hiệu quả thiết thực. Điều chủ yếu phải nhấn mạnh theo tinh thần trên là nhiều người có chức, có quyền

trong hệ thống tổ chức của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng hư hỏng, thoái hóa biến chất, chạy theo chức quyền, tiền, danh và lợi, những người ấy đang làm cho một bộ phận không nhỏ trong nhân dân ta ngày càng giảm lòng tin vào Đảng ta, đưa đến tình hình nghiêm trọng không thể coi thường, là sự hội nhập của “bốn nguy cơ”, tác động lẫn nhau và phá ta, có thể đưa đến sự mất còn của chế độ và sự nghiệp cách mạng của chúng ta.

Vào những năm tháng cuối đời, mặc dù tuổi cao, sức yếu, nhưng trái tim và khối óc Phạm Văn Đồng vẫn tràn đầy những ý tưởng cao đẹp về văn hóa Việt Nam. Phạm Văn Đồng đã đề ra ý tưởng xây dựng bộ Bách khoa toàn thư Việt Nam. Với uy tín của mình và lòng tin sâu sắc ở tinh thần yêu nước và trí tuệ sáng tạo của giới trí thức Việt Nam, Phạm Văn Đồng đã tập hợp, tổ chức, động viên, chỉ đạo gần một ngàn cán bộ khoa học của các ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y dược học, khoa học xã hội và nhân văn, đem hết năng lực và kiến thức, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành bộ sách *Bách khoa toàn thư Việt Nam* gồm bốn tập. Đó là “tiếng hát của con thiên nga” Phạm Văn Đồng để lại cho văn hóa nước nhà trước lúc đi xa.

Cũng như các nhà lãnh đạo và mọi người dân Việt Nam, Phạm Văn Đồng rất gắn bó với Thủ đô Hà Nội.

Năm 1936, đang trong Nhà tù Côn Đảo, Phạm Văn Đồng cùng nhiều đồng chí của mình được thả ra do Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp. Sau khi về nghỉ dưỡng sức ở quê nhà Quảng Ngãi một thời gian ngắn, Phạm Văn Đồng ra Hà Nội bắt liên lạc với Đảng và tiếp tục hoạt động cách mạng, viết trên báo chí công khai, dạy học và qua đó truyền bá tinh thần yêu nước trong thanh niên. Năm 1940, theo quyết

định của Trung ương Đảng, Phạm Văn Đồng cùng Võ Nguyên Giáp được cử sang Côn Minh (Trung Quốc) gặp Hồ Chí Minh, rồi cùng Hồ Chí Minh về Việt Nam hoạt động trên chiến khu Việt Bắc cho đến Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Gặp lại Phạm Văn Đồng, năm 1941, 15 năm sau lần Phạm Văn Đồng dự lớp huấn luyện ở Quảng Châu do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hồ Chí Minh nói với Phạm Văn Đồng: “Chú không có gì khác trước”.

Sau Hội nghị Giơnevơ, năm 1954, Phạm Văn Đồng cùng Hồ Chí Minh về Thủ đô Hà Nội, và từ năm 1955 là Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. Trong gần nửa thế kỷ, cho đến khi qua đời, hằng ngày Phạm Văn Đồng sống ở Thủ đô, qua đó mà quản lý và điều hành công việc trong cả nước, đặc biệt dành sự quan tâm đối với Thủ đô, đi thăm nhiều lần các quận, huyện của Hà Nội, nhiều năm thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp phụ trách tỉnh Hà Đông, nay thuộc về Hà Nội; thường xuyên làm việc với những người, những cơ quan có trách nhiệm ở Hà Nội, gặp gỡ các tầng lớp nhân dân, chăm lo các mặt đời sống của người dân và bộ mặt tinh thần văn hiến của Thủ đô. Tiếp thu và kế tục một công việc rất quan trọng của Bác Hồ, Phạm Văn Đồng là người đã khởi xướng phong trào “Người tốt, việc tốt” tại Hà Nội, mở đầu phong trào “Người tốt, việc tốt” trong cả nước.

Trước khi qua đời, Phạm Văn Đồng căn dặn người con duy nhất của mình là Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam Phạm Sơn Dương: “Ba không có tài sản gì để lại cho con. Ba chỉ để lại một sự nghiệp để tiếp tục. Ba yêu cầu con chăm sóc má con, chăm lo dạy bảo các con của con mạnh khỏe, ngoan ngoãn, học giỏi, trở thành người có ích

cho xã hội, cho đất nước, xứng đáng là người sĩ quan của quân đội ta”.

Từ khi là một thanh niên bừng tỉnh lòng yêu nước, rồi người tù chính trị sáng suốt kiên cường ở Côn Đảo, người cách mạng chuyên nghiệp bôn ba trên khắp đất nước ta và ở nước ngoài, rồi Thủ tướng Chính phủ lâu năm nhất của Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh giữ nước khốc liệt và thời hòa bình xây dựng gian nan, người đứng đầu hành pháp lão luyện và nhà ngoại giao được bạn bè và đối tác quốc tế kính nể, Phạm Văn Đồng là một chiến sĩ đức sáng, tài cao, sống tốt và sống đẹp trong mọi quan hệ của con người.

Phạm Văn Đồng, năm 19 tuổi, được dự lớp học yêu nước và cách mạng của Hồ Chí Minh tại Quảng Châu, từ đó suốt đời là người ngưỡng mộ, kính yêu Hồ Chí Minh, trở thành một người học trò gần gũi của Hồ Chí Minh, cùng với một thế hệ vàng những nhà lãnh đạo Việt Nam noi theo đức độ và kế tục sự nghiệp người thầy vĩ đại của mình, phấn đấu vì độc lập, tự do, hạnh phúc của dân tộc Việt Nam.

MỘT NHÀ VĂN HÓA LỚN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

VŨ NGỌC HOÀNG*

Ngày còn tuổi thiếu niên, theo bộ đội thoát ly lên vùng giải phóng, sống gần các cô chú, các anh chị ở chiến khu của tỉnh Quảng Nam, tôi đã nghe nhiều người nhắc đến bác Phạm Văn Đồng với một sự kính trọng và yêu mến. Lãnh đạo của Việt Nam ngày ấy sau Bác Hồ, có rất nhiều đồng chí được cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân kính yêu, tôn trọng. Bác Phạm Văn Đồng là một trong số các đồng chí đứng cạnh sau Bác Hồ, là người học trò xuất sắc được Bác Hồ tin yêu. Lớn lên đi học rồi công tác ở nhiều nơi với các vị trí khác nhau ở miền Trung, ở miền Nam và ở miền Bắc, được tiếp xúc nhiều người, nghe kể và nghe những nhận xét về bác Phạm Văn Đồng, được đọc sách với các bài nói, bài viết của bác Đồng, trong ký ức và đầu óc của tôi in đậm dần một hình ảnh Phạm Văn Đồng mà tôi rất kính trọng, yêu quý về một nhân cách lớn, có kiến thức sâu rộng, trí tuệ minh mẫn, sáng suốt.

Tôi được nghe mấy đồng chí lớn tuổi kể lại rằng, thời chiến tranh chống Mỹ xâm lược, một lần, khi máy bay Mỹ đang ném

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực, Ban Tuyên giáo Trung ương.

bom dữ dội ở Khu IV, thì tại Hà Nội, bác Phạm Văn Đồng vẫn triệu tập và chủ trì một hội nghị bàn về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Trong lời khai mạc Hội nghị, ông đã nói đại ý là: Máy bay Mỹ đang ném bom dữ dội ở Khu IV, ném vào các làng mạc, khu dân cư. Họ muốn tiêu diệt chúng ta. Còn chúng ta, hôm nay, với sự điềm tĩnh của những con người đầy tự tin vào chính mình, vào sự tất thắng của chính nghĩa, họp mặt tại đây để bàn về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Tiếng Việt còn thì dân tộc còn. Dân tộc còn thì dân tộc này sẽ chiến thắng... Nghe ông nói, nhiều người xúc động về tầm nhìn chiến lược và bản lĩnh của một người lãnh đạo, của một Ban lãnh đạo đáng kính trọng. Nhân câu chuyện này tôi muốn nói thêm một ý: Với một nghìn năm Bắc thuộc, dân tộc ta vẫn trường tồn, không bị đồng hóa, là nhờ văn hóa, trong đó có vai trò rất quan trọng của tiếng Việt. Vậy mà hiện nay đi ngoài phố, ngay cả ở Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn vật của chúng ta, ngay cả ở thành phố mang tên Bác Hồ kính yêu nữa, rất nhiều bảng hiệu người ta viết toàn tiếng Tây, tiếng Tàu, tiếng Hàn, tiếng Nhật, không thèm viết tiếng Việt, không biết để cho sang, cho oai, để làm ra vẻ “Tây” hay sao? Thấy mà buồn rằng trong dân ta vẫn còn những người không biết quý trọng cái ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc mình. Nói qua vậy, còn việc này sẽ bàn riêng trong dịp khác. Bây giờ xin quay lại chuyện về bác Phạm Văn Đồng.

Một lần, khi ấy bác Phạm Văn Đồng đã nghỉ chức Thủ tướng, còn làm Cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vào thăm Quảng Nam - Đà Nẵng, hôm đó gặp mặt Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và một số cán bộ, tướng lĩnh đã nghỉ hưu ở Quảng Nam - Đà Nẵng, một đồng chí cán bộ cao cấp nghỉ hưu phát biểu: Đồng chí

Phạm Văn Đồng là một Thủ tướng lâu nhất... Nghe câu đầu tiên như vậy, bác Đồng nói ngay: Làm chức gì đó, lâu hay không lâu có ý nghĩa gì đâu, cái quan trọng nhất là có làm được gì cho dân, cho nước, cho Đảng hay không, chứ lâu mà để làm gì. Tôi tự thấy tôi cũng có không ít khuyết điểm, thiếu sót. Đồng chí hữu trí nói tiếp, chuyển sang ý khác: Lâu nay lãnh đạo Trung ương ít quan tâm đến miền Trung, các đồng chí từ Hà Nội chỉ bay thẳng vào Thành phố Hồ Chí Minh, bỏ qua miền Trung nằm dưới cánh máy bay, hiện tại miền Trung rất khó khăn, không phát triển được, đề nghị đồng chí Phạm Văn Đồng phản ánh giúp với Trung ương ý kiến của chúng tôi, đề nghị Trung ương quan tâm nhiều hơn đối với miền Trung. Nghe xong ý kiến đó, bác Phạm Văn Đồng đáp lời: Tôi có trách nhiệm sẽ phản ánh ý kiến của các đồng chí với Trung ương, đồng thời tôi cũng muốn nói với các đồng chí một câu chuyện sau. Đây là câu chuyện văn học của thế giới. Một lần, đứa con trai từ mặt trận chạy về nói với mẹ rằng, mẹ ơi, mẹ trao cho con thanh gươm ngắn quá, con không thể lập công được. Bà mẹ lắng nghe con và nói lại: Khi thanh gươm ngắn, muốn lập công thì phải bước tới chứ sao lại chạy về hỏi mẹ? Chạy lui về thì làm sao mà lập được chiến công?

Một lần khác bác Phạm Văn Đồng vào thăm Quảng Nam, Quảng Ngãi, khi ấy tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng vừa mới tách ra từ một tỉnh chung Quảng Nam - Đà Nẵng. Tỉnh Quảng Nam chuyển tỉnh lỵ từ thành phố Đà Nẵng về thị xã Tam Kỳ. Những ngày đầu tiên vừa mới tách ra, các cơ quan của tỉnh chưa có trụ sở, phải mượn tạm địa điểm để làm việc từ các nhà dân và các cơ quan của thị xã, của doanh nghiệp. Lúc ấy Tỉnh ủy mượn một cơ sở của xí nghiệp chế biến rau quả để làm việc, nằm trên một quả đồi còn hoang

vắng. Một số đồng chí trong Thường vụ tỉnh hay nói đùa với nhau là nơi làm việc của Tỉnh ủy mà nhốt thêm một vài con vượn, con khỉ thì chẳng khác gì ở miền núi xa của Quảng Nam, nơi tiếp giáp với Lào. Hôm về thăm, bác Phạm Văn Đồng sức khỏe đã yếu nhiều, đi phải có người dìu, bác không chịu ngủ ở Đà Nẵng, ở Quảng Ngãi nơi có nhà nghỉ khang trang. Bác Đồng bảo để bác ngủ ở Quảng Nam, tỉnh mới tách ra khó khăn lắm, bác muốn biết anh em khó khăn đến mức nào, cán bộ của tỉnh ở công vụ như thế nào thì để bác ở như thế, bình thường như thế. Trong buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh, khi nghe báo cáo tỉnh mới chia ra rất khó khăn và không có ngân sách, nghe xong bác Phạm Văn Đồng nói: Quảng Nam thời chiến tranh nhiều lúc khó khăn lắm, khó khăn hơn bây giờ nhiều, nhưng mỗi lần khó khăn như vậy thì Quảng Nam đã bật dậy, đã vượt qua, đã tiến lên, đã lập những chiến công vang lừng. Truyền thống của vùng đất này là vậy, văn hóa của con người đất Quảng là vậy. Khó khăn cũng là “cơ hội”. Khó khăn làm cho những con người có bản lĩnh bật dậy mạnh hơn. Khó khăn của các đồng chí là có thật, hãy báo cáo kỹ cho các cơ quan Trung ương biết rõ, khi biết rõ tình hình chắc không ai mà không giúp Quảng Nam.

Hai câu chuyện kể trên, ngày ấy, và sau này, cán bộ ở Quảng Nam, Đà Nẵng, nhiều người vẫn hay nhắc lại để nói về sự thông minh, nhanh nhạy, sắc sảo của bác Đồng (lúc đó bác đã ngoài 90 tuổi).

Bác Phạm Văn Đồng có nhiều bài viết về văn hóa, có những bài viết rất sâu, ít có người vượt qua. Gần đây, tôi có đọc lại quyển sách có tên gọi *Văn hóa và đổi mới* của bác Phạm Văn Đồng, trong đó có nhiều ý tôi thấy thật hay và sâu sắc, với tầm nhìn rộng, xa và sâu. Bác Đồng viết: “Văn hóa là

đổi mới, đổi mới là văn hóa”. Ý đó gọi cho chúng tôi, kích thích suy nghĩ nhiều điều về văn hóa, và đổi mới. Đổi mới phải bắt nguồn, bắt rễ từ mảnh đất văn hóa: truyền thống văn hóa của dân tộc, tinh hoa văn hóa của thời đại... Đổi mới phải trên một nền tảng văn hóa bền vững và tiến bộ; phải thấm nhuần tư tưởng nhân văn thì mới thành công, vững chắc. Đổi mới mà tách rời nền tảng văn hóa thì sẽ chông chênh, dễ đổ ngã. Bản thân văn hóa cũng luôn có nhu cầu phải liên tục hoàn thiện, để có ngày càng nhiều cái tốt hơn, cái đẹp hơn, mà muốn vậy thì phải không ngừng đổi mới. Văn hóa vừa có đặc điểm về tính kế thừa rất cao, là sự tích góp liên tục của tầng tầng lớp lớp các trầm tích; đồng thời, lại vừa có nhu cầu không ngừng đổi mới để sáng tạo, vì văn hóa là tất cả sự sáng tạo của con người, của dân tộc, của nhân loại; vì vậy, kế thừa và đổi mới là hai mặt biện chứng của một quá trình thống nhất trong sự vận động và phát triển của văn hóa, không thể chú ý mặt này mà không chú ý mặt kia. Văn hóa phân biệt con người với tự nhiên, văn hóa tạo ra con người, làm cho con người trở nên “Người hơn”; văn hóa là chất người, là tính người, văn hóa nâng con người lên một trình độ mới. Mục tiêu của nền văn hóa Việt Nam phải nhằm hướng đến một dân tộc Việt Nam phát triển và hạnh phúc. Trường tồn là một yêu cầu chính đáng, là bản sắc văn hóa của một dân tộc, để Việt Nam vẫn còn mãi là Việt Nam, không biến thành một dân tộc khác (bị đồng hóa) trong quá trình tiếp biến, nhưng trường tồn là để phát triển, để tiến lên, không phải để đứng yên, tụt hậu. Và ngày nay, trong thế giới hội nhập, đang có cuộc tiếp biến văn hóa ở quy mô toàn cầu, muốn tồn tại thì phải phát triển. Muốn phát triển thì phải đổi mới. Đất nước ta qua gần 30 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhưng hiện tại các

động lực sử dụng trong những năm trước đây đã giảm dần tác dụng và hiệu quả, tình hình đất nước và xã hội đang có nhiều khó khăn, bức xúc phải giải quyết, nếu không tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ như tinh thần của Đại hội XI thì khó mà tiếp tục tiến lên, thậm chí cũng khó mà tránh khỏi những khủng hoảng về kinh tế và xã hội. Văn hóa là cái đẹp, có thiên chức tạo ra cái đẹp, nuôi dưỡng và nhân lên cái đẹp. Xã hội xã hội chủ nghĩa phải là một xã hội tốt đẹp. Tốt đẹp mới là xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội dứt khoát phải là một sản phẩm rất văn hóa, rất trí tuệ của nhân dân ta, chứ không phải là những suy nghĩ xơ cứng, rập khuôn, máy móc. Phải tạo ra cho được cái tốt đẹp, nhiều cái tốt đẹp thì mới có chủ nghĩa xã hội. Cho nên, văn hóa cũng là vấn đề chính yếu, cốt lõi của chủ nghĩa xã hội.

Còn rất nhiều suy nghĩ có thể phát triển tiếp nữa, từ một ý tưởng thông qua tên gọi quyển sách của bác Phạm Văn Đồng gọi lên.

Sau Bác Hồ, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều đồng chí lãnh đạo có uy tín, tài năng và công lao lớn, trong đó có đồng chí có mặt còn trội hơn bác Phạm Văn Đồng. Nhưng riêng đối với lĩnh vực văn hóa, thì trong suy nghĩ của tôi, sau Hồ Chí Minh là Phạm Văn Đồng, ông là một nhà nghiên cứu và thực hành văn hóa, có nhiều kiến thức và tư duy rất sâu sắc về văn hóa, luôn tâm huyết với văn hóa, sống văn hóa, trong sáng, giản dị, thanh bạch, không ham giàu sang phú quý, giàu tính nhân văn, luôn yêu thương con người, hết lòng với dân, với nước, với Đảng, với lý tưởng tốt đẹp của mình, cuộc đời ông là một tấm gương về nhân cách. Phạm Văn Đồng là một nhà văn hóa lớn, thật đáng kính trọng và noi theo.

PHẠM VĂN ĐỒNG - NHÀ VĂN HÓA LỚN

PHAN HUY LÊ*

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một nhà hoạt động cách mạng, một nhà chính trị, ngoại giao kiệt xuất, có nhiều cống hiến lớn lao trong thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong hai cuộc kháng chiến giành lại độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia, trong sự nghiệp xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Trong bài viết này, tôi chỉ muốn hé mở một cánh cửa nhỏ về một số hoạt động văn hóa của ông và ghi lại một số ý kiến của ông về lịch sử và văn hóa Việt Nam.

Phạm Văn Đồng là một trong rất ít nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước có mối quan hệ gần gũi, thân thiết với giới trí thức và được các nhà trí thức quý mến, ngưỡng mộ. Tôi còn nhớ từ năm 1956 khi là một cán bộ giảng dạy trẻ của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, tôi đã tham dự khá đều những buổi gặp gỡ trí thức của Thủ tướng Phạm Văn Đồng tổ chức tại Câu lạc bộ Đoàn kết (góc phải Quảng trường Cách mạng Tháng Tám, trước Nhà hát Lớn của thành phố). Hằng tháng, ông thường tới đó gặp gỡ, nói chuyện và trao đổi với giới trí thức một cách thân mật, cởi mở. Chủ đề rất đa dạng, thường là những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những

* Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam.

vấn đề về văn hóa, khoa học, giáo dục. Nếp sinh hoạt câu lạc bộ này duy trì cho đến khi Hà Nội phải sơ tán vì chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Riêng tôi, có một số cơ hội được trực tiếp gặp và làm việc với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Khoảng năm 1964, ông đưa ra chủ trương giao cho Ủy ban Khoa học xã hội tổ chức biên soạn ba công trình khoa học lớn là Lịch sử Việt Nam, Địa lý Việt Nam và Lịch sử văn học Việt Nam. Ban biên soạn bộ Lịch sử Việt Nam do GS. Trần Huy Liệu là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội kiêm Viện trưởng Viện Sử học làm Trưởng ban và Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Cố vấn. Năm 1969, sau khi GS. Trần Huy Liệu từ trần, GS. Nguyễn Khánh Toàn là Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học xã hội làm Trưởng ban biên soạn. Ban biên soạn gồm một số cán bộ Viện Sử học và Khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, tôi cùng các anh Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn được mời tham gia. Tôi nhớ mãi, một lần GS. Trần Huy Liệu báo anh Tô mời ba chúng tôi lên gặp. Bỗng nhiên, một cán bộ bảo vệ đến nhà yêu cầu chúng tôi làm và nộp gấp bản lý lịch theo nguyên tắc bảo vệ các nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước. Chúng tôi băn khoăn Thủ tướng mời gặp, chứ đâu phải chúng tôi xin gặp Thủ tướng mà bắt khai lý lịch và đem suy nghĩ đó báo cho GS. Trần Huy Liệu biết. Ngày hôm sau, GS. Liệu thông báo cho chúng tôi biết là “anh Tô xin lỗi” vì không nói rõ để ban bảo vệ họ làm việc theo nguyên tắc chung và nhắc lại lời mời đến gặp và làm việc theo ngày giờ đã định. Một chuyện nhỏ nhưng để lại trong tôi ấn tượng sâu sắc của một nhà lãnh đạo có thái độ thật sự trọng thị các nhà khoa học mà lúc đó, chúng tôi là những cán bộ còn rất trẻ (chỉ mới khoảng tuổi 30).

Ông tổ chức nhiều cuộc gặp gỡ trao đổi với Ban biên soạn về một số vấn đề cốt yếu của lịch sử Việt Nam. Ông rất quan tâm đến lịch sử và có hiểu biết sâu sắc về lịch sử dân tộc cũng như lịch sử và văn hóa thế giới. Ông nhiều lần đến thăm các công trình khai quật khảo cổ học và tham dự một số hội thảo khoa học. Trong biên soạn bộ lịch sử Việt Nam, ông đặt vấn đề nên phân chia các thời kỳ lịch sử như thế nào. Theo quan điểm sử học mácxít thì nên phân kỳ theo các hình thái kinh tế - xã hội và ông tổ chức một số buổi trao đổi về vấn đề này trong Ban biên soạn. Tôi được phân công báo cáo kết quả nghiên cứu về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam và nhấn mạnh, cho đến nay tuy Viện Sử học và một số nhà sử học có xu hướng khẳng định sự tồn tại của chế độ chiếm hữu nô lệ, nhưng xét về cứ liệu khoa học thì chưa có đủ cơ sở kết luận. Còn một số cán bộ Khoa Sử Trường Đại học Tổng hợp, trong đó có tôi, thì cho rằng, tư liệu lịch sử chỉ mới cho phép thừa nhận có quan hệ bóc lột nô lệ dưới dạng chế độ nô lệ gia trưởng, hoàn toàn không có cơ sở khoa học để cho rằng Việt Nam đã trải qua một thời kỳ phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ. Chính ông đã từng tham dự cuộc hội thảo khoa học về vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam tổ chức tại Ủy ban Khoa học xã hội nhà nước tại phố Trần Hưng Đạo năm 1960 nên hiểu rất rõ. Ông bày tỏ quan điểm cá nhân cho rằng trên thế giới số nước trải qua thời kỳ phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ không nhiều và Việt Nam cũng như nhiều nước phương Đông không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ. Từ đó, ông đặt vấn đề, tại sao nhất thiết phải phân định các thời kỳ lịch sử bằng các hình thái kinh tế - xã hội, nhất là khi có những hình thái kinh tế - xã hội chưa rõ ràng. Ông gọi ra

một ý tưởng rất mới. Nước ta từ khi hình thành nhà nước đến nay, bên cạnh sự biến đổi về kinh tế - xã hội theo các hình thái kinh tế - xã hội còn bao quát một nội dung cơ bản là quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Đây chính là nội dung mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ra khi thăm Đền Hùng năm 1954: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Chính ông là người đưa ra quan điểm coi lịch sử Việt Nam xét về nội dung cơ bản xuyên suốt lịch sử từ khi hình thành nhà nước cho đến nay là lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước, thường nói gọn là lịch sử dựng nước và giữ nước. Cuốn *Lịch sử Việt Nam*, tập I, xuất bản năm 1971 được phân kỳ, bố cục và trình bày theo quan điểm này, kết hợp với hình thái kinh tế - xã hội trong những thời kỳ có cơ sở khoa học để xác định.

Lịch sử luôn luôn diễn ra trong không gian và thời gian. Phạm Văn Đồng rất quan tâm đến quá trình hình thành và xác lập lãnh thổ quốc gia. Ông dành một buổi để trao đổi về vấn đề này. Anh Hà Văn Tấn trình bày quá trình mở rộng lãnh thổ vào miền Trung và Nam Trung Bộ gắn liền với mối quan hệ giữa hai nước Đại Việt và Chăm-pa. Tôi báo cáo về công cuộc khai phá và mở rộng lãnh thổ trên vùng đất Nam Bộ trong mối quan hệ với Phù Nam và Chân Lạp. Chúng tôi khẳng định vào khoảng giữa thế kỷ XVIII toàn bộ vùng đất Nam Bộ đã sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong như một bộ phận của quốc gia Đại Việt. Vấn đề đặt ra là có nên coi lịch sử và văn hóa Chăm-pa như một bộ phận tạo thành của lịch sử Việt Nam hay không? Vấn đề này cũng được đặt ra đối với vùng đất Nam Bộ nhưng lúc đó, những năm 60 của thế kỷ XX, văn hóa Óc Eo và lịch sử Phù Nam chưa được nghiên cứu nhiều và tư liệu còn nhiều hạn chế nên chưa trao đổi nhiều.

Ông nhất trí với chúng tôi là cần đưa lịch sử và văn hóa Chămpa vào lịch sử Việt Nam, nghĩa là cùng với lịch sử Đại Việt cần có những chương về lịch sử Chămpa, nhấn mạnh tinh thần coi người Chăm là bộ phận của cộng đồng dân tộc và văn hóa Chămpa là bộ phận của văn hóa Việt Nam. Trên tinh thần đó, anh Hà Văn Tấn đã được phân công viết một chương về Chămpa. Nhưng khi biên tập và duyệt lại bản thảo, chính ông đề nghị, theo đúng cách nói của ông, là “tạm lờ” phần này vì đây là bộ thông sử mang tính phổ cập và nhằm mục tiêu cổ vũ quân dân ta trong cuộc chiến đấu vì độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia. Và ông căn dặn chúng tôi là các anh phải tiếp tục nghiên cứu sâu và trong giảng dạy đại học cần phải có phần về Chămpa. Ông cũng tỏ ý bùi ngùi mỗi khi ngắm nhìn những tháp Chăm trên đất miền Trung và đọc những vần thơ hoài niệm của nhà thơ Chế Lan Viên. Ông khuyên chúng tôi và những người làm công tác bảo tồn, cần phải trân trọng gìn giữ các tháp Chăm cũng như di sản văn hóa Chămpa, cần phải chăm lo đời sống của dân tộc Chăm và các tộc người của cộng đồng cư dân Chămpa như những dân tộc chủ nhân của lịch sử và văn hóa Việt Nam.

Phạm Văn Đồng có nhiều suy nghĩ về sự hình thành và xác lập lãnh thổ quốc gia Việt Nam. Trong một buổi trao đổi, ông nói, tổ tiên ta giữ được biên giới phía Bắc như hiện nay trước bao nhiêu cuộc xâm lăng và đô hộ của phương Bắc như thế là vĩ đại lắm rồi. Việc mở rộng lãnh thổ về phương Nam, vào hết Trung Bộ rồi cả Nam Bộ là một vấn đề lớn cần nghiên cứu kỹ và lý giải một cách khoa học trên quan điểm lịch sử. Ông đặt vấn đề, cũng là những vương quốc Đông Nam Á lục địa, cùng tồn tại trên vùng ven biển, nhưng tại

sao Đại Việt lại vượt qua được các thách thức và phát triển mạnh mẽ về phương Nam, trong lúc Chăm-pa, Phù Nam, Chân Lạp đã từng có văn hóa lâu đời, có thời thịnh đạt, cuối cùng lại suy yếu, thậm chí có nước bị diệt vong, thiếu sức sống trường tồn? Ông cùng chúng tôi trao đổi một cách rất thoải mái, dân chủ với nhiều ý kiến đa dạng và để mở. Anh Hà Văn Tấn giới thiệu một lý thuyết mới do Arnold Toynbee tổng kết sau khi nghiên cứu hầu hết các nền văn minh trên thế giới, cho rằng sức sống của các nền văn minh tùy thuộc vào khả năng “thách thức và ứng phó”. Ông rất thích thú lý thuyết này và coi đây là một hướng nghiên cứu để giải thích sức sống và sự trường tồn của văn hóa Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Phạm Văn Đồng đặc biệt quan tâm đến văn hóa Việt Nam. Ông đã dành nhiều năm tháng để nghiên cứu và suy ngẫm về những nét đặc sắc và những giá trị của văn hóa Việt Nam. Ông thường mời một số nhà khoa học nghiên cứu về lĩnh vực này đến trao đổi như các GS. Nguyễn Hồng Phong, Đinh Gia Khánh, Hồ Tôn Trinh... Tôi cũng mời được tham dự một số lần trong những buổi trao đổi chung hay làm việc riêng tại nhà ông hay tại Đồ Sơn, Tam Đảo. Ông rất tâm đắc về trục kết cấu xã hội giữa Nhà - Làng - Nước trong cuộc sống cộng đồng cũng như cơ sở liên kết trong dựng nước và giữ nước, trong thể trận làng - nước của Việt Nam. Ông muốn đi sâu hơn về những đặc điểm của nhà = gia đình và nước = quốc gia - dân tộc. Ông tán đồng quan niệm cho rằng nhà = gia đình ở Việt Nam cũng trải qua chế độ mẫu hệ, phụ hệ như các nước, nhưng từ khi dựng nước chủ yếu là gia đình nhỏ và không mang nặng chế độ gia tộc phụ quyền. Gia đình đó không những là tế bào xã hội mà còn là đơn vị sản xuất

phù hợp với nông nghiệp lúa nước kết hợp với thủ công nghiệp thời tiền công nghiệp và cùng với làng tạo thành một thể cộng đồng bền chặt. Khi nói quan hệ cộng đồng có mặt hay nhưng cũng có mặt dở như tinh thần bình quân chủ nghĩa, tính cào bằng, níu kéo nhau, sự đố kỵ tài năng..., ông có nhiều băn khoăn. Ông cho rằng đó là mặt tiêu cực, hạn chế, mặt xấu của quan hệ cộng đồng làng xã tiểu nông, nhưng hình như không ít trường hợp con người vượt qua được những mặt hạn chế ấy. Ông nêu trường hợp khi lợi ích cộng đồng lớn hơn là quốc gia - dân tộc bị đe dọa hay có những tài năng lớn vượt qua được hạn chế đó để phát huy hết sức sáng tạo cá nhân như Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm và nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa khác. Tôi cảm nhận một cách sâu sắc tư duy sắc sảo, nhạy bén của Phạm Văn Đồng, không chỉ tìm ra cái chung mà trong cái chung phải thấy hết cái riêng, cái đặc thù.

Ông cũng suy nghĩ và tham gia bàn luận nhiều về sự hình thành dân tộc Việt Nam. Qua cuộc tranh luận về vấn đề sự hình thành dân tộc Việt Nam, ông cho rằng quan hệ dân tộc cũng như ý thức dân tộc, quá trình hình thành dân tộc ở Việt Nam và rộng ra ở phương Đông, có những nét đặc thù, do đó cần nghiên cứu kỹ thực tế lịch sử và không nên áp đặt máy móc những công thức của phương Tây. Ông tỏ ra không hài lòng khi một số nhà khoa học cố áp dụng lý luận và công thức dân tộc của Xtalin để nghiên cứu dân tộc Việt Nam. Ông lưu ý nước ta gồm nhiều thành phần dân tộc, người Kinh = Việt chiếm đa số cao còn có hơn 50 thành phần dân tộc thiểu số nữa. Tính đa tộc người đó cần được xem xét đầy đủ trong nghiên cứu quá trình dân tộc ở Việt Nam. Ông nói cần nghiên cứu kỹ mối quan hệ giữa quá trình hình thành

quốc gia, thống nhất quốc gia, hình thành dân tộc và thống nhất dân tộc, các quá trình đó quan hệ mật thiết với nhau nhưng không phải là một. Ông cho rằng, sản phẩm lớn nhất quá trình dân tộc đó là ý thức dân tộc, là chủ nghĩa yêu nước, là văn hóa dân tộc và đó cũng là cơ sở trường tồn của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam.

Phạm Văn Đồng không những là một nhà lãnh đạo quan tâm nhiều đến phong trào văn hóa văn nghệ, góp phần chỉ đạo phong trào đó mà còn là một nhà văn hóa lớn. Tác phẩm của ông để lại không nhiều, trong đó tôi thích thú nhất là những bài viết về Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, về giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và tác phẩm *Văn hóa và đổi mới*. Ngoài những tác phẩm đã công bố, tôi muốn ghi lại một số ý kiến của ông phát biểu về lịch sử và văn hóa Việt Nam trong những buổi trao đổi mà tôi may mắn được tham dự. Tôi ghi lại những ý kiến này dựa vào những ghi chép cá nhân và trí nhớ, đồng thời có mặt một số nhà khoa học khác và hầu như luôn luôn có mặt anh Việt Phương. Điều ngưng lại trong tâm trí tôi, *Phạm Văn Đồng là một Nhà văn hóa lớn*.

HỒ CHÍ MINH VÀ PHẠM VĂN ĐỒNG - HAI NHÂN CÁCH VĂN HÓA, MỘT CỘI NGUỒN DÂN TỘC

NGUYỄN TRI NGUYỄN*

1. Nhân cách Hồ Chí Minh

Năm 1970, vào dịp kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh nhật Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đọc bài diễn văn đầy xúc động: Chủ tịch Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại. Đó không đơn thuần là một bài diễn văn, mà còn là một bản đúc kết của một người học trò xuất sắc từng có nhiều năm gần gũi bên Người. Sau này tập hợp các bài viết về Hồ Chí Minh của Phạm Văn Đồng từ năm 1948 đến năm 1998 thành cuốn sách mang tên bài diễn văn này: *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*.

Qua những trang viết, Hồ Chí Minh được tái hiện không phải là một huyền thoại, mà “là người Việt Nam, Việt Nam hơn người Việt Nam nào hết. Ngót ba mươi năm bôn tẩu bốn phương trời, Người vẫn giữ thuần túy phong độ, ngôn ngữ, tính tình của một người Việt Nam”¹. Là người thân cận của

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, nguyên Phó Viện trưởng Viện Văn hóa - Nghệ thuật, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1. Phạm Văn Đồng: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, t.I, tr.63.

Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng hiểu rất rõ về đời sống và những tư tưởng, tình cảm của Hồ Chí Minh, nhưng đến tận lúc Hồ Chí Minh qua đời, người học trò ấy mới hiểu hết tâm tình của Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng thốt lên: “Rất lạ lùng, rất kỳ diệu là trong 60 năm của một cuộc đời đầy sóng gió diễn ra ở rất nhiều nơi trên thế giới cũng như ở nước ta, Bác Hồ vẫn giữ nguyên phẩm chất cao quý của một người chiến sĩ cách mạng, tất cả vì nước, vì dân, vì sự nghiệp lớn, trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp”¹.

Năm 1987-1989, khi tình hình chính trị thế giới đang có những biến động không có lợi cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cho lực lượng xã hội chủ nghĩa và tiến bộ trên thế giới, thì tổ chức UNESCO tại phiên họp lần thứ 24 ở Pari (Pháp) ra Nghị quyết kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôn vinh Người là vị Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất. Nghị quyết ghi nhận Hồ Chí Minh là một trong những vĩ nhân đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại. UNESCO kiến nghị các quốc gia thành viên kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh để “làm cho mọi người hiểu rõ tầm vóc vĩ đại của những tư tưởng và những cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Người”.

Tháng 3-1990, tại Hà Nội, Hội thảo Quốc tế “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc” đã được tổ chức trọng thể tại Hà Nội. Đảng ta khẳng định: sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức sáng ngời của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu vô hạn, sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam, đồng thời đưa ra một hệ thống những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và đặt vấn đề tiếp tục suy nghĩ, tìm hiểu và vận dụng sáng tạo tư

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.118.

tưởng Hồ Chí Minh để đổi mới toàn diện đất nước theo hướng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Nhân sự kiện này, Phạm Văn Đồng đã nhận định có tính đúc kết khái quát từ diện của các Đảng Cộng sản và bài viết của nhiều nhà văn hóa, nhà trí thức trên thế giới khi Hồ Chí Minh qua đời: Khi nhìn lại cả cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, các đảng cộng sản, các dân tộc, những nhà văn hóa, những nhà trí thức của loài người đã nhất trí trong sự đánh giá: Hồ Chí Minh thuộc về tương lai, vì Hồ Chí Minh đã tạo ra tương lai vĩ đại ấy. Người là một người làm nên lịch sử hiện đại. Người đã trở thành một nhà kiến trúc và tạo hình của quá trình cách mạng thế giới trong thời kỳ có tính chất bùng nổ nhất. Người đã trở thành ngọn đèn biển soi sáng đường đi cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Có lẽ hơn bất kỳ người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc mình và đối với cả thế giới, Hồ Chí Minh là hiện thân của cách mạng. Người là một trong những nhân vật cao quý nhất, đáng yêu nhất của thời đại chúng ta.

Phạm Đồng phân tích tiếp: Một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp thống nhất với nhau, sản sinh ra và kết tinh ở một con người, đó là bản chất và tầm vóc của Hồ Chí Minh...

Chất con người Hồ Chí Minh là chất Việt Nam, chất cách mạng, chất cộng sản, chất nhân văn, tất cả gặp gỡ hòa quyện trong một con người và được nâng lên do sứ mệnh lịch sử của con người đó.

Sự đóng góp về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người, là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản

sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho sự thúc đẩy, sự hiểu biết lẫn nhau.

Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam và của loài người, với ý nghĩa đầy đủ nhất của danh hiệu nhà văn hóa. Ở Hồ Chí Minh, nhà văn hóa lớn gắn liền với nhà nhân văn lớn, phát huy truyền thống của một dân tộc “văn hiến”- Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn, vì cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương về nhân sinh quan và thế giới quan cao đẹp, làm sáng lên một chủ nghĩa nhân văn trùng với những ước mơ cổ truyền của dân tộc Việt Nam và các dân tộc, kết tinh những tư tưởng và tình cảm lớn của loài người.

Trong bài viết “Tư tưởng nhân văn và tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chia sẻ những tri ân tri kỷ của ông với Phạm Văn Đồng và đưa ra những nhận định làm rõ hơn nữa nhưng khái quát của Phạm Văn Đồng: Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trước hết biểu hiện ở tấm lòng thương yêu con người, thương yêu nhân dân hết sức bao la, sâu sắc. Người đã khái quát về triết lý cuộc sống: “Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề là làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức,... Trước hết, đó không phải là lòng thương hại của “bề trên” nhìn xuống, cũng không phải là sự động lòng trắc ẩn của người “đứng ngoài” trông vào, mà là sự đồng cảm của những người cùng cảnh ngộ đã từng trải qua và chứng kiến biết bao cảnh đau thương ngang trái, bất công.

Như vậy, tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh thấm đượm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, truyền thống văn hóa Việt Nam; kế thừa tư tưởng nhân văn, nhân đạo trong văn hóa phương Đông, phương Tây; là sự phát triển

tưởng Hồ Chí Minh để đổi mới toàn diện đất nước theo hướng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Nhân sự kiện này, Phạm Văn Đồng đã nhận định có tính đúc kết khái quát từ điện của các Đảng Cộng sản và bài viết của nhiều nhà văn hóa, nhà trí thức trên thế giới khi Hồ Chí Minh qua đời: Khi nhìn lại cả cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, các đảng cộng sản, các dân tộc, những nhà văn hóa, những nhà trí thức của loài người đã nhất trí trong sự đánh giá: Hồ Chí Minh thuộc về tương lai, vì Hồ Chí Minh đã tạo ra tương lai vĩ đại ấy. Người là một người làm nên lịch sử hiện đại. Người đã trở thành một nhà kiến trúc và tạo hình của quá trình cách mạng thế giới trong thời kỳ có tính chất bùng nổ nhất. Người đã trở thành ngọn đèn biển soi sáng đường đi cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Có lẽ hơn bất kỳ người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc mình và đối với cả thế giới, Hồ Chí Minh là hiện thân của cách mạng. Người là một trong những nhân vật cao quý nhất, đáng yêu nhất của thời đại chúng ta.

Phạm Đồng phân tích tiếp: Một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp thống nhất với nhau, sản sinh ra và kết tinh ở một con người, đó là bản chất và tầm vóc của Hồ Chí Minh...

Chất con người Hồ Chí Minh là chất Việt Nam, chất cách mạng, chất cộng sản, chất nhân văn, tất cả gặp gỡ hòa quyện trong một con người và được nâng lên do sứ mệnh lịch sử của con người đó.

Sự đóng góp về nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người, là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản

sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho sự thúc đẩy, sự hiểu biết lẫn nhau.

Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam và của loài người, với ý nghĩa đầy đủ nhất của danh hiệu nhà văn hóa. Ở Hồ Chí Minh, nhà văn hóa lớn gắn liền với nhà nhân văn lớn, phát huy truyền thống của một dân tộc “văn hiến”- Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn, vì cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương về nhân sinh quan và thế giới quan cao đẹp, làm sáng lên một chủ nghĩa nhân văn trùng với những ước mơ cổ truyền của dân tộc Việt Nam và các dân tộc, kết tinh những tư tưởng và tình cảm lớn của loài người.

Trong bài viết “Tư tưởng nhân văn và tư tưởng nhân đạo Hồ Chí Minh”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chia sẻ những tri ân tri kỷ của ông với Phạm Văn Đồng và đưa ra những nhận định làm rõ hơn nữa nhưng khái quát của Phạm Văn Đồng: Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trước hết biểu hiện ở tấm lòng thương yêu con người, thương yêu nhân dân hết sức bao la, sâu sắc. Người đã khái quát về triết lý cuộc sống: “Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề là làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức,... Trước hết, đó không phải là lòng thương hại của “bề trên” nhìn xuống, cũng không phải là sự động lòng trắc ẩn của người “đứng ngoài” trông vào, mà là sự đồng cảm của những người cùng cảnh ngộ đã từng trải qua và chứng kiến biết bao cảnh đau thương ngang trái, bất công.

Như vậy, tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh thấm đượm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân ái, truyền thống văn hóa Việt Nam; kế thừa tư tưởng nhân văn, nhân đạo trong văn hóa phương Đông, phương Tây; là sự phát triển

chủ nghĩa nhân đạo hiện thực của chủ nghĩa Mác. Đó là chủ nghĩa nhân văn “chân chính”, chủ nghĩa nhân văn hiện thực của con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Trong đó, lòng thương yêu thống nhất với lòng tin, sự tôn trọng và ý chí cùng hành động để giải phóng nhân dân, nhân loại. Bản thân Hồ Chí Minh là hình mẫu của con người nhân văn của thời đại mới, thời đại kết hợp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội với giải phóng loài người; độc lập dân tộc gắn với tự do, hạnh phúc, với chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người xây dựng nền tảng tư tưởng cho một nền văn hóa Việt Nam mới. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nhận định khái quát rằng: Tư tưởng Hồ Chí Minh, lý tưởng “độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội” chính là nền tảng tư tưởng và lý luận của nền văn hóa Việt Nam mà chúng ta đang tiếp tục xây dựng. Cho nên, để phát triển sáng tạo nền văn hóa Việt Nam trong thời đại mới, rõ ràng vấn đề quan trọng hàng đầu có ý nghĩa quyết định là giáo dục sâu rộng cho mỗi một người dân Việt Nam, cho toàn thể đồng bào và chiến sĩ, thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chúng ta mới thấy hết tầm vĩ đại của một con người vừa là anh hùng giải phóng dân tộc, vừa là danh nhân văn hóa kiệt xuất, một con người tiêu biểu cho sự tổng hòa giữa nền văn hóa Việt Nam vẫn giữ bản sắc và cốt cách dân tộc, với tinh hoa các nền văn hóa Đông và Tây. Đúng như lời tiên đoán nổi tiếng của nhà thơ Ô. Măndenxtam, đây là một nền văn hóa đã có tầm vóc báo hiệu cho nền văn hóa tương lai của nhân loại.

Hồ Chí Minh đại diện cho khát vọng độc lập cho mỗi dân tộc, tự do cho mỗi cá nhân, là hiện thân khát vọng nhân văn

của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một người tiêu biểu cho chủ nghĩa nhân đạo tiên tiến nhất không chỉ chiến đấu cho dân tộc mình mà còn cho cả nhân loại, không chỉ cho hôm nay mà còn cho xã hội tươi đẹp mai sau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một di sản văn hóa lớn, một chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo đặc sắc, một tư tưởng đạo đức trong sáng, giản dị, gần gũi với quần chúng nhân dân. Ngoài tư tưởng chiến lược và thiên tài quân sự để giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Người còn đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Sự thành công của Hồ Chí Minh về nhiều mặt là do Người đã tiếp thu được tinh hoa văn hóa dân tộc kết hợp với tinh hoa văn hóa nhân loại. Hồ Chí Minh không chỉ là người lãnh đạo cách mạng thiên tài mà còn là một nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa lớn của dân tộc.

Về lĩnh vực này, Phạm Văn Đồng đã có những đánh giá rất tinh tế: Suốt đời, Hồ Chí Minh là người cầm bút, chiến đấu trên mặt trận văn hóa, báo chí, với một văn phong đa dạng nhiều sắc thái mà điểm nổi bật là tính quần chúng, cách suy nghĩ và diễn đạt dân gian, dễ hiểu, đi sâu vang vọng trong lòng người, gợi mở những tư tưởng lớn lao, thúc đẩy những việc làm tốt đẹp, bằng những lời lẽ giản dị giàu hình tượng, nói lên được điều lớn bằng những chữ nhỏ.

2. Nhân cách Phạm Văn Đồng

So sánh nhân cách của các bậc vĩ nhân là điều phạm thượng, chúng tôi không dám làm. Nhưng như người đời thường nói những tư tưởng lớn thì gặp nhau. Nhưng công bằng mà nói cho đến nay, nhận thức một cách toàn diện,

chiêm nghiệm một cách sâu sắc và đúc kết một cách khái quát về tâm vóc nhân cách Hồ Chí Minh chưa ai vượt được hai người học trò xuất sắc của Người là Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp. Ở nhân cách của hai ông dấu ấn nhân cách Hồ Chí Minh thể hiện một cách rõ rệt.

Đồng chí Trần Đức Lương, nguyên Chủ tịch nước đã cảm nhận một cách sâu sắc những suy tư của Phạm Văn Đồng: “Đọc đi đọc lại các tác phẩm của Người, nhất là những điều Người viết về tư tưởng Hồ Chí Minh, *tôi nhận thấy sự truyền cảm dạt dào, chuẩn mực, có được bằng chính cuộc đời của người viết*”.

Sự truyền cảm dạt dào, chuẩn mực, có được bằng chính cuộc đời đó của Phạm Văn Đồng cũng được Đại tướng Võ Nguyên Giáp cảm nhận sâu sắc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể: Trong những năm Anh thôi giữ chức Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chúng tôi có nhiều thời gian ở gần nhau hơn và thường nói với nhau về tư tưởng Hồ Chí Minh. Anh mong muốn tư tưởng ấy quán triệt đến từng người dân, đến từng đảng viên... Cho đến trước khi mất, điều anh lo nhất là hiện tượng thoái hóa trong Đảng. Nhiều khi anh đã kêu lên: Sao đảng viên bây giờ nhiều người hỏng thế.

Đồng chí Nguyễn Tiến Năng, nguyên Thư ký của Phạm Văn Đồng đã kể lại: Có thể nói, Phạm Văn Đồng là người học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ một cách tuyệt vời. Khi cùng ở với Bác Hồ và cả sau khi Bác mất, ông luôn giữ nếp sống rất đơn giản với một chút cơm, một chút cá hoặc thịt và mấy cọng rau, có ngày chỉ ăn một hai bát cháo hoặc bát súp, nhưng luôn luôn có sẵn một củ khoai. Những tác phong công việc, cách quan hệ, tiếp xúc với mọi người đều chịu ảnh hưởng từ Bác Hồ. Lúc Bác mất, ông đã khóc rất

nhieu. Ông không ở căn nhà cũ nữa vì ông bảo “từ tiếng nói, bước đi đến tiếng guốc của Bác vẫn văng vẳng trong tâm trí” khiến ông không thể cầm lòng được. Quan trọng hơn, ông cho rằng nơi ở của Bác Hồ ghi đậm dấu ấn những hoạt động sống và làm việc của Bác nên phải xây dựng thành khu lưu niệm Bác Hồ để nhân dân, chiến sĩ, bạn bè trong và ngoài nước tới chiêm ngưỡng và học tập. Ông dặn dò anh em phải chăm sóc, bảo vệ, tôn tạo và phát triển để khu vực này càng ngày càng thu hút được mọi người. Có thể nói không nước nào mà nguyên thủ (Chủ tịch nước) và Thủ tướng lại có sự gắn bó gần gũi với nhau như thế. Đây thực sự là một mối quan hệ đặc biệt. Trong cuộc sống, Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng coi nhau như anh em, Bác gọi ông là chú Tô.

Trong cuốn sách *Phạm Văn Đồng trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế*, đồng chí Nguyễn Tiến Năng đã kể lại: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, đất nước thống nhất, Nam - Bắc sum họp một nhà. Đồng chí Phạm Văn Đồng đi thăm đồng bào, đồng chí, các chiến sĩ miền Nam. Đồng chí đi bằng ô tô từ Hà Nội qua hầu hết các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, miền Đông, miền Tây Nam Bộ. Trong chuyến đi này, đồng chí có mời hai người anh ruột cùng về thăm quê Đức Tân, Mộ Đức (Quảng Ngãi). Ngôi nhà cũ không còn nữa. Trước mắt các ông là đồng gạch vụn với chân tường đầy cỏ và dây bìm bìm... Thời gian qua đi, bỗng một hôm đồng chí Phạm Văn Đồng nhận được thư của bà con trong quê cho biết: người ta bàn tán về việc tỉnh đang xây nhà cho ông Đồng. Đồng chí liền điện khẩn cho lãnh đạo tỉnh Nghĩa Bình yêu cầu đình chỉ ngay việc xây nhà và đặt câu hỏi: Vì sao các đồng chí làm nhà cho tôi mà lại không hỏi ý kiến tôi? Đồng chí Nguyễn Quang Lâm (Tám Tú), Bí thư

Tỉnh uỷ điện khẩn ra báo cáo, đại ý: Đã lâu bà con trong Nam ngoài Bắc khi đi ngang qua đây thường dừng xe vào thăm nhà Bác. Để có nơi đón tiếp bà con, tỉnh chủ trương xây dựng nhà khách, căn nhà cũng nhỏ thôi. Vậy xin phép Bác cho tỉnh được tiếp tục xây dựng. Nhận được điện của tỉnh, đồng chí Phạm Văn Đồng trả lời rằng: nếu các đồng chí làm nhà khách của tỉnh thì tôi không có gì để phản đối”.

Giản dị, thanh bạch là những điều ông học được ở Hồ Chí Minh nhiều nhất. Phạm Văn Đồng đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp cách mạng, nhưng ông cũng là người trọn nghĩa, trọn tình với vợ con. Ông gần như trở thành thần tượng của tôi. Tôi nhớ hôm ông mất, trời mưa nhưng đông đảo người dân đổ ra đường để tiễn đưa ông, đoàn người kéo dài từ Nhà tang lễ Quốc gia tới tận Nghĩa trang Mai Dịch.

Sau khi Phạm Văn Đồng đi về thế giới của những người hiền, Giáo sư Sử học Trần Văn Giàu đã có những nhận xét chân thành, xác đáng và sâu sắc về ông công bố trên báo *Nhân Dân* ngày 3-5-2000 “Một con người có chính khí cao và nhân cách cao” (Trần Văn Giàu kể, Ngọc Minh ghi). Có đoạn viết như sau: Thủ tướng Phạm Văn Đồng có hai điều lớn để lại cho tất cả chúng ta và dân tộc. Theo tôi, thứ nhất: đây là con người có chính khí cao, thứ hai: đây là con người có nhân cách gần như trọn vẹn, nhân cách cao lắm. Ông là người có chính khí cao và nhân cách cao. Con người ta có thể làm quan rất lớn, có thể làm giàu rất to. Nhưng cái quý nhất ở con người ta - nhất là ở con người có cuộc đời dài mấy mươi tuổi, mà giữ được điều đó, giữ được chính khí cao và nhân cách trọn vẹn là khó lắm. Nếu có một con người giữ được, nhất là người đó có quyền, có chức cao và lâu, thì đó là Phạm Văn Đồng. Ông giữ được cuộc đời trong sáng hoàn toàn,

không có một tí vết nào, ông là một con người tiêu biểu. Nếu trong bộ máy đoàn thể, bộ máy chính quyền của chúng ta mà ai cũng theo được cái liêm, cái chính của ông thì là một hạnh phúc lớn của dân tộc. Trong sáng, rất trong sáng. Ông Đồng là một trong số ít người mà cuộc đời không có tí vết nào cả....

Phạm Văn Đồng không chỉ là một con người có chính khí cao và nhân cách cao, liêm chính và trong sáng như Giáo sư Trần Văn Giàu đã đánh giá ngợi ca mà còn là một con người có tầm nhìn xa trông rộng. Đồng chí Võ Văn Kiệt kể: Anh Tô nói với tôi nhiều về tương lai, vị thế của nước ta trong một thế giới mới khi thiên niên kỷ thứ ba tới gần. Gắn liền với điều đó là yêu cầu rất cao đối với đội ngũ lãnh đạo mà trước hết là lãnh đạo cao cấp. Như một người anh lớn, anh chia sẻ với tôi những băn khoăn về tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Anh rất suy tư làm thế nào để đẩy người nghèo lên, không kéo người giàu xuống mà làm giảm được khoảng cách giàu nghèo. Anh đặc biệt say sưa khi nói về sự nghiệp trồng người. Tôi không ngờ đó là lần cuối cùng được trao đổi công việc với anh và anh đã ra đi cùng những tâm sự ấy.

3. Hai nhân cách văn hóa, một cội nguồn dân tộc, nhân dân

Xin được dẫn lại một tài liệu, được tác giả trích dịch từ cuốn *Các thông điệp* (xuất bản ở Béclin) và công bố trên báo *Tiền phong* 14-5-1991 và đã được in lại trong cuốn sách *Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ*¹. Đó là nhận định của Nhà

1. *Học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2006, tr.349-351.

văn Đức Eduard Claudius (1911-1976) nguyên là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Dân chủ Đức tại Việt Nam (1959-1961), từng tham gia đội quân tình nguyện quốc tế thứ nhất chống phátxít Tây Ban Nha năm 1936, đã viết nhiều tác phẩm về cuộc đấu tranh chống phátxít của nhân dân Tây Ban Nha và nhân dân Đức. Ông cũng viết nhiều phóng sự về các truyền thuyết và truyện cổ tích Việt Nam, Lào, Campuchia.

Nhà văn Claudius từng tiếp xúc, quan hệ công tác và đã ghi nhận ảnh hưởng tích cực của Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng đối với cuộc đời sáng tác của ông. Sau đây là những suy nghĩ của nhà văn trong bài trả lời phỏng vấn của nhà nghiên cứu văn học Đức Hoxơ (Horst Haase): Mỗi khi tôi nghĩ về những nhân cách chính trị vĩ đại ở Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng thì tôi càng thấy rằng, đó chính là sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, sự thống nhất giữa hoạt động và nhân cách chính trị với thái độ rất giản dị, khiêm tốn, nhân hậu. Ở Hồ Chí Minh và ở Wilhelm Pieck tôi thường cảm nhận được nét tương đồng đó.

Tôi muốn miêu tả điều tôi thường nghĩ bằng một kỷ niệm. Hồ Chí Minh thường đề nghị, khi đến thăm không trình trọng và hãy để mọi thủ tục ngoại giao ở nhà. Người đích thân đứng đợi trước căn nhà nhỏ, nơi Người sống.

Trong bộ y phục giản dị, Người tiếp đón và dẫn khách vào căn phòng nhỏ của Người. Một lần nữa tôi được Người tiếp. Nhân dịp này, chúng tôi định bớt chút thời gian để bàn về thơ của Người. Nhưng thật là thú vị, chúng tôi không hề đề cập đến thơ của Người, mà tới nước Đức và những vấn đề chính trị của nó. Người đặc biệt quan tâm tới các vấn đề dân tộc Đức. Sau khi chúng tôi cạn những tách chè, Người hỏi

thăm đến các con tôi. Người gửi cho chúng nhiều kẹo đựng trong một cái âu gốm cổ tuyệt đẹp. Người tìm cách bỏ kẹo vào túi cho tôi. Và tôi, lịch sự như tôi cần phải thế, cản lại chút ít, nhưng chiếc kẹo này rơi xuống đất. Cả hai chúng tôi cùng ngồi xuống và gom những chiếc kẹo này lại. Đoạn chúng tôi nhìn nhau. Người cười. Người có tiếng cười tuyệt đẹp, sâu thẳm vang ra từ lồng ngực.

Sau đó, Người nói: “Thế đấy, giả thử khi người ta không có con cái, thì chúng ta phải làm mọi việc để làm gì”. Chính Người lại không có con cái, thế nhưng hàng tuần hai ba lần Người tiếp các cháu thiếu nhi và dành cho chúng cả buổi tối. Đối với tôi, đó chính là sự vĩ đại. Ở Người tầm cao về chính trị được quy định bởi tầm cao nhân đạo chủ nghĩa và tầm cao nhân đạo này lại được quy định bởi tầm cao về chính trị.

Hàng loạt những kỷ niệm nho nhỏ như vậy đã tỏa ra từ nhân cách của Người và nhân cách Phạm Văn Đồng. Tôi luôn có cảm nhận họ không hiện ra một cách xúng xính trong vai trò lãnh tụ chính trị của họ, mà họ tự thân vận động và làm việc với tư cách một con người thuần phác, dẫu cho trong khoảnh khắc nào đó, họ có ở hay không ở trong cương vị này. Bởi vì, họ đến với những con người thuần phác, và chính họ cũng là con người thuần phác. Sự vĩ đại của những nhân cách này là ở chỗ, họ có gốc rễ trong đời sống của nhân dân và sức mạnh của họ bắt nguồn từ đây. Chắc chắn đây là những phong thái, những biểu hiện và sự kết tinh nhân cách, mà trong đó hiện diện mọi lực lượng có thể quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh lâu dài ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng là hai nhân cách văn hóa lớn nhưng cũng có chung một cội nguồn. Đúng như trong Điều văn vĩnh biệt Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước và nhân

dân ta ghi nhận: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta”.

PHẠM VĂN ĐỒNG VÀ TINH HOA ĐẠO LÝ DÂN TỘC QUA HÌNH ẢNH HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG LƯU*

Nhà văn hóa lớn trong một chính khách mang tầm cỡ lớn, hay người đứng đầu Chính phủ trong suốt hơn 30 năm luôn quan tâm đến sự nghiệp văn hóa đất nước đang thời xây dựng và đặc biệt chú trọng đến chất lượng sáng tác văn học nghệ thuật của các giới văn nghệ sĩ, ở Phạm Văn Đồng chỉ là một thống nhất hữu cơ. Riêng với tư cách người cầm bút, ông đã tạo dựng được dấu ấn riêng và có nhiều đóng góp vào thể loại văn chương chính luận. Thiên nhiên đất nước qua cảnh sắc Tây Bắc, Việt Bắc, nét tinh tế, duyên dáng và uyển chuyển trong ngôn ngữ và ca dao dân tộc, vẻ đẹp toát ra từ nhân cách và tài năng của các danh nhân như Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, v.v. đều để lại cảm xúc trong tâm hồn nhạy cảm, trong trí tuệ trác việt của ông.

Lòng tự hào lịch sử và văn hóa dân tộc, sự ảnh hưởng ngôn ngữ và văn chương Pháp đã góp phần tạo nên phong cách chính luận Phạm Văn Đồng.

* Giáo sư, nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa, nghệ thuật, Bộ Văn hóa - Thông tin.

Ông viết và đề xuất nhiều loại vấn đề, nhưng đề tài ông tâm đắc nhất là nhân cách, phong độ và tài đức Hồ Chí Minh, bởi đây là tinh hoa đạo lý và văn hóa dân tộc được phản chiếu trong một vĩ nhân. Phạm Văn Đồng là người “có may mắn được ở gần Hồ Chí Minh trong nhiều năm, qua nhiều giai đoạn của cách mạng Việt Nam, từ lớp huấn luyện chuẩn bị thành lập Đảng ở Quảng Châu (Trung Quốc) đến những ngày cuối cùng trước khi Hồ Chí Minh qua đời”. Do những điều kiện thuận lợi đó, và với tấm lòng kính yêu vô hạn đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, ông là người đầu tiên có tác phẩm nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Đó là bài *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc*, viết năm 1948, trong kháng chiến chống Pháp ở chiến trường Nam Trung Bộ. Có thể gọi đây là tiểu luận văn hóa hay tùy bút chính trị, nhưng chính xác hơn, tác giả đã kết hợp hai thể tiểu luận và tùy bút, trên cơ sở nghiên cứu cụ thể con người, cuộc đời và sự nghiệp một vĩ nhân độc đáo, chẳng những hiếm thấy trong lịch sử dân tộc mà với cả thế giới. Mặc dầu thiếu giấy và phương tiện in ấn khó khăn, lại thêm khó khăn do sự chia cắt giữa các chiến trường, tác phẩm vẫn được in ra với khối lượng tương đối lớn, phát hành đến cả chiến trường Nam Bộ.

Trong phạm vi bài này, tôi chỉ đề cập tác phẩm đầu tiên của Phạm Văn Đồng về Hồ Chí Minh. Vào thời điểm những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ai có thể tường tận phong cách, phong độ, sự lịch lãm, tâm hồn, trí tuệ, bản lĩnh, tình yêu nhân dân bao la và tài trí thao lược trên nhiều phương diện của Hồ Chí Minh như Phạm Văn Đồng đã trần thuật và miêu tả trong tác phẩm đầy tâm huyết này. Lần đầu trong ngôn ngữ Việt Nam xuất hiện một danh từ *lão thực*, gắn với đức độ, nhân cách và sự giản dị khi

tác giả nói đến Hồ Chí Minh và đặc điểm của các bậc vĩ nhân. “Vĩ nhân thật vĩ nhân bao giờ cũng giản dị, lão thực. Đã câu kỳ là thiếu bản lĩnh, cố làm trò để đánh lừa thiên hạ và hậu thế. Vua Nghiêu, vua Thuấn, chúa Giêdu là những người giản dị, lão thực. Ông Lenin, ông Tôn Văn, thánh Găngđi cũng là những người giản dị, lão thực. Bậc đại khoa học, đại văn hào cũng vậy. Trái lại, Hítler là một kẻ gian hùng. Còn bên cạnh Hítler, Mút-xô-lô-ni chỉ là một thằng hề”¹. Hồ Chí Minh sống một cuộc đời “khắc khổ, cần lao và tranh đấu” nên cái lão thực ấy đã mang theo dáng vẻ đặc biệt của bậc siêu phàm, như vượt ra ngoài cái thông thường của đức tính “cần, kiệm, liêm, chính”; do đó, vượt qua sức tưởng tượng của mọi người về một nguyên thủ quốc gia. Không phải khắc khổ theo kiểu nhà tu hành và thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật, mà giản dị thanh bạch theo đời sống còn khổ nghèo của nhân dân.

Không ít người đã ví Hồ Chí Minh như một ông tiên và cho rằng “mất Người có hai con người, và tin rằng vì chỗ đó, Người là một ông thánh”! Sinh trưởng trong một đất nước có bề dày văn minh nông nghiệp, lại lâu ngày chịu ảnh hưởng bởi những thần thoại, cổ tích, dã sử, trong dân gian có những truyền thuyết mang tính huyền bí về Hồ Chí Minh trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945, là điều dễ hiểu. Mặt khác, phải thấy rằng, bao nhiêu chí sĩ, hào kiệt đã xả thân vì nước kể từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhưng rốt cuộc chỉ có Hồ Chí Minh mới là bậc anh hùng duy nhất chiến thắng được giặc ngoài, thù trong, xây được nền độc lập cho Tổ quốc, thì lòng ngưỡng vọng của nhân dân càng

1. Phạm Văn Đồng: *Tuyển tập, Sđd*, t.I, tr.62.

bồi đắp thêm cho truyền thuyết. Phạm Văn Đồng đã phân tích: “Mắt Hồ Chủ tịch cũng như mắt mọi người, sáng hơn mắt mọi người nhiều lắm đã đành, nhưng sáng hơn vì Người biết nhìn, nên nhìn thấy những cái mọi người không nhìn thấy: hiện tại, tương lai, cái nhỏ, cái to”¹; do đó Hồ Chí Minh là người Việt Nam “hơn người Việt Nam nào hết”.

Ba mươi năm sống xa Tổ quốc, giao tiếp với nhiều dòng tư tưởng, văn hóa, sống với đủ loại người trên các châu lục, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thuần túy giữ được cốt cách của con người Việt Nam: từ ngôn ngữ, những lời ví von đến mùi vị các món ăn, phong tục tập quán của người dân quê. Ngày Tết, Người không quên mừng tuổi cho người hàng xóm và trẻ em, tuy chỉ có mấy đồng xu nhưng cũng “bọc giấy hồng đơn cẩn thận, thơm tất”. Làm thơ Người thích lối ca dao, “vì ca dao là Việt Nam, cũng như núi Trường Sơn, hồ Hoàn Kiếm hay Đồng Tháp Mười vậy”. Hình ảnh và tinh hoa một dân tộc bất khuất có hàng ngàn năm văn hiến thu nhỏ trong một con người, và con người Hồ Chí Minh với tài kinh bang tế thế hiện đại, đã thúc đẩy một dân tộc từ bị áp bức, đói nghèo và lạc hậu, từng bước sánh vai với bè bạn năm châu.

Do có dịp sống gần gũi với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng đã thấu hiểu mọi sinh hoạt của Người và ghi nhận nó, với tình cảm hết sức nồng nàn lẫn sự kính phục sâu xa, nên truyền vào người đọc một sự hấp dẫn, cả niềm đam mê đặc biệt. Trong thời gian ở Trung Quốc, vị Chủ tịch ấy sáng nào cũng đi bộ quanh thành phố Liễu Châu; và khi cần thiết, có thể đi bộ ngày này qua ngày khác mỗi ngày trên dưới 50km. Thường xuyên luyện tập cơ thể để có sức khỏe hoạt

1. Phạm Văn Đồng: *Tuyển tập, Sđd*, t.I, tr.63.

động cách mạng, và dù bận rộn đến đâu với công việc hằng ngày, vẫn sắp xếp thì giờ để luyện tập cơ thể, kể cả thói quen tắm sông dù tiết trời mùa Đông. Những ngày ở chiến khu Việt Bắc trước Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, sáng sớm Người tập thể dục, chiều tà Người làm vườn và đi vác củi cho dân bản mường - nơi đặt căn cứ địa cách mạng. Người đặt ra ý thức nghiêm túc phòng bệnh hơn chữa bệnh, nên ít khi dùng đến thuốc và biến các bác sĩ phục vụ cho mình thành cán bộ Văn phòng hơn là thầy thuốc chữa bệnh. Có những việc không tốn thời gian nhưng đòi hỏi phương pháp dưỡng sinh khoa học, Người kiên trì thực hiện đều đặn và thành nếp, như không ăn no, không ngủ trưa, bóp hòn đá trong lòng bàn tay để luyện gân tay, v.v.. Sinh hoạt giản dị đi đôi với tác phong giản dị, nhưng giản dị đến mức cả nguyên thủ quốc gia lẫn kiều bào đến thăm cùng ngồi xuống sàn nhà để nói chuyện - như thời gian ở Pari, lúc Người là thượng khách của Chính phủ Pháp (1946) - thì thật hiếm có trên đời. Ngoài Phạm Văn Đồng, không ai có thể biết được chi tiết đó...

Đánh giá một bậc vĩ nhân, trước hết là nhìn vào sự cống hiến to lớn của người đó đối với dân tộc và nhân loại, nhưng không thể bỏ qua phong cách, đức độ gắn với sự nghiệp vĩ nhân. Cái nọ là nguyên nhân của cái kia và ngược lại; và cả hai cùng tô đậm nét cho sự nghiệp kỳ vĩ của vĩ nhân. Nếu danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi không có nếp sống thanh đạm và thanh cao của bậc hiền triết với tấm lòng thiết tha đến “dân đen”, thì tư tưởng nhân nghĩa của ông chắc sẽ khác đi và khó bề trở thành chủ nghĩa nhân văn Đại Việt tiêu biểu, như chúng ta đã biết. Những vĩ nhân thực sự vĩ nhân, phong cách, đức độ vượt lên trên cái thông thường một cách tự nhiên, lại càng đối lập với cái tầm thường của những kẻ